TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16- 10- 2018
V/v tranh chấp yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận
Ông Trần Văn Trọng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Danh Thị Ngọc Lệ- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa***: ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên toà số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Kim P, sinh năm: 1996 (Có mặt)

Trú tại: 1Ô14/31 tổ 14, ấp A, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1988 (Vắng mặt)

Trú tại: 57Ô2/1 ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Bùi Kim P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu và quen biết nhau, vào năm 2015, bà Bùi Kim P và ông Nguyễn Văn H tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh BR-VT theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 quyển số 01/2015 ngày 18 tháng 3 năm 2015.

Vợ chồng chung sống một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng trong quan điểm sống, ông H đam mê cờ bạc và có hành vi bạo lực, thường đánh đập bà P nhiều lần. Đến năm 2017, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên ông H và bà P phải ly thân nhau đến nay.

Trong thời gian ly thân, hai bên mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn. Nay, bà P xác định thời gian ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa hai người đã quá trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống và tình cảm dành cho ông H không còn nữa nên yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Bà P xác định hai vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn H:

Trong quá trình Tòa án giải quyết đã thực hiện các thủ tục tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn H vắng mặt không có lý do.

Tòa án đã xác minh chính quyền địa phương về địa chỉ nơi cư trú thể hiện ông H hiện đang có cư trú tại địa chỉ nêu trên là đúng nhưng thường vắng nhà nên không thể lấy ý kiến ông H được.

Đại diện VKS nhân dân huyện Đất Đỏ phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Bị đơn ông Nguyễn Văn H triệu tập nhiều lần không đến là vi phạm nghĩa vụ nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại huyện Đất Đỏ nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] **Về yêu cầu ly hôn:**

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Kim P trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ theo giấy chứng nhận kết hôn số 19 quyển 01/2015 ngày 18 tháng 3 năm 2015. Do vậy, theo quy định tại các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đủ cơ sở xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qúa trình chung sống, theo bà P trình bày vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, ông H đam mê cờ bạc và có hành vi bạo lực gia đình (nhiều lần vô cớ chửi mắng, đánh đập bà P). Từ đó, hai vợ chồng chung sống không mang lại hạnh phúc và phải ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân thì hai bên không gặp nhau để bàn chuyện hàn gắn, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Nay, bà P xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu ly hôn.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông H nhiều lần đến hòa giải và tham gia phiên tòa nhằm tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông H không đến, bỏ mặc bà P muốn làm gì thì làm điều đó thể hiện ông H không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của mình. Ngoài ra, qua kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi hai vợ chồng trước kia sinh sống thì được biết vợ chồng chung sống nhưng thường xảy ra mâu thuẫn, nhiều lần dẫn đến xô xát đánh nhau và đã sau đó hai người ly thân, mỗi người sống một nơi. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bà P là có căn cứ, mâu thuẫn giữa bà P và ông H là có thật và trầm trọng dẫn tới cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 tuyên xử chấp nhận yêu cầu của bà P về việc ly hôn với ông H.

[2.2] **Về con chung**: Bà P xác định vợ chồng không có con chung, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung**: Bà P tự khai không có, không tranh chấp; Ông H trong quá trình Tòa án giải quyết cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Bùi Kim P phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Bùi Kim P. Bà Bùi Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

2. *Về con chung*: Không xem xét giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

- Bà Bùi Kim P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số TU/2017/0001374 ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà Bùi Kim P đã nộp xong tiền án phí.

- Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí sơ thẩm.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- UBND xã Phước Hội;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Tuyền